

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT VIỆC GỬI, NHẬN TÀI LIỆU,
DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRÊN CÔNG TIẾP NHẬN DỮ LIỆU HỆ THỐNG
THÔNG TIN GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BHXH ngày / /2026 của
BHXH Việt Nam)

I. Dịch vụ lấy phiên làm việc và danh mục các mã lỗi

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/token/take
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Body	
Body	username:"xxxxxxxxxx", password:"xxxxxxx"
Response Body	
Body	{ "maKetQua": "200", "APIKey": { "access_token": "xxxxxxxxxx", "id_token": "xxxxxxx", "token_type": "Bearer", "username": "xxxxxxxxxx", "expires_in": "2025-11-01T01:37:07.972693Z" } }
Request example	curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/token/take' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=xxxxxxx' \ --data-urlencode 'password=xxxxxx'

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	username	Chuỗi ký tự	x	Tên đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KCB)
2	password	Chuỗi ký tự	x	Mật khẩu được mã hóa MD5

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	maKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
			mô tả tại mục 4)
2	access_token	Chuỗi ký tự	Token
3	id_token	Chuỗi ký tự	Id của token
4	username	Chuỗi ký tự	Tên đăng nhập
5	expires_in	Datetime	Thời điểm hết hạn của token

4. Danh mục mã kết quả, mã lỗi

Mã lỗi	Mô tả lỗi
200	Thao tác thành công
401, 402, 403	Mã cơ sở KCB chưa đúng, tài khoản hoặc token hết hạn sử dụng hoặc tài khoản đang không có quyền truy cập hệ thống
500	Lỗi hệ thống
123, 124, 125, 202, 204, 205	Lỗi liên quan đến nội dung file XML

II. Mẫu 01/DM Bộ phận chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc01_BPCMKBCB
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc} passwordHash: {Password được mã hóa MD5}
Request Body	
Body	username: {username XXXXX_BV của cơ sở KCB được BHXH Việt Nam cấp} loaiHs:70 maTinh: {mã tỉnh của cơ sở KCB} maCơ sở KCB: {Mã cơ sở kcb} fileHsBase64: {Encode base 64 của file XML đã ký số }

Response Body	
Body	<pre>{ "maKetQua": "200", "maGiaoDich": "DANHMUC01_XXXXX", "thongDiep": "Tiếp nhận thành công", "thoiGianTiepNhan": "20260308145721" }</pre>
Request example	<pre>curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc 01_BPCMKBCB' \ --header 'accessToken: Sk5NakNoSVdKcXdFSUdKdDR0ejBBYlcvb3JUeHY4allGN25W RmI4aElwOD06MDE5MjlfQlY6MTM0MTI4NTM0NDg1OTI2O TA2' \ --header 'tokenId: 57680f47-e6b8-4103-9126-6d6d1de3935c' \ --header 'passwordHash: ' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=70' \ --data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64='</pre>

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (70 - DM bộ phận chuyên môn, 71 - DM nhân lực KBCB, 10 - DM thuốc, chế phẩm thuốc, 11 - DM vật tư y tế,

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
				12 - DM dịch vụ kỹ thuật, 72 - DM trang thiết bị)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	MaGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	ThoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020
4	ThongDiep	Chuỗi ký tự	Mô tả kết quả

4. Cấu trúc xml

```

<HSDANHMUC xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
  <DANHSACH_DMBOPHANCHUYENMON Id="Id-98cff074-55de-
4455-9ca2-7d8a8d3b5443">
    <DMBOPHANCHUYENMON>
      <STT>1</STT>
      <MA_KHOA>XXX</MA_KHOA>
      <TEN_KHOA>XXX</TEN_KHOA>
      <BAN_KHAM>XXX</BAN_KHAM>
      <GIUONG_PD>XXX</GIUONG_PD>
      <GIUONG_TK>XXX</GIUONG_TK>
      <GIUONG_HSTC>XXX</GIUONG_HSTC>
      <GIUONG_HSCC>XXX</GIUONG_HSCC>
      <TU_NGAY>XXX</TU_NGAY>
    </DMBOPHANCHUYENMON>
  </DANHSACH_DMBOPHANCHUYENMON>
</HSDANHMUC>

```

```

    <DEN_NGAY/>
    <MA_CƠ_SỞ_KCB>XXX</MA_CƠ_SỞ_KCB>
  </DMBOPHANCHUYENMON>
  <DMBOPHANCHUYENMON>
    <STT>2</STT>
    <MA_KHOA>XXX</MA_KHOA>
    <TEN_KHOA>XXX</TEN_KHOA>
    <BAN_KHAM>XXX</BAN_KHAM>
    <GIUONG_PD>XXX</GIUONG_PD>
    <GIUONG_TK>XXX</GIUONG_TK>
    <GIUONG_HSTC>XXX</GIUONG_HSTC>
    <GIUONG_HSCC>XXX</GIUONG_HSCC>
    <TU_NGAY>XXX</TU_NGAY>
    <DEN_NGAY/>
    <MA_CƠ_SỞ_KCB>XXX</MA_CƠ_SỞ_KCB>
  </DMBOPHANCHUYENMON>
</DMBOPHANCHUYENMON>
</DANH_SACH_DMBOPHANCHUYENMON>
<CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef"
xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
      <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>
      <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
        <DigestValue>xxxx</DigestValue>
      </Reference>
      <Reference URI="#Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
        <DigestValue>xxxxxxx</DigestValue>
      </Reference>
    </SignedInfo>
    <SignatureValue>base64</SignatureValue>
    <KeyInfo>
      <X509Data>

```

```

<X509SubjectName>CN=localhost</X509SubjectName>
  <X509Certificate>base64</X509Certificate>
</X509Data>
</KeyInfo>
<Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
  <SignatureProperties xmlns="">
    <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
      <SigningTime>2025-11-
01T09:32:20</SigningTime>
    </SignatureProperty>
  </SignatureProperties>
</Object>
</Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSDANHMUC>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSDANHMUC	Thẻ root
2	DMBOPHANC HUYENMON	Thông tin Bộ phận chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (Chi tiết mô tả tại mục 5)
3	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của DMBOPHANCHUYENMON

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	3	Thứ tự của bản ghi, không được trùng nhau
2	MA_KHOA	Chuỗi ký tự	50	Mã khám bệnh, mã khoa theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. - Bản khám bệnh ngoại trú: ghi theo mã khám bệnh.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				<ul style="list-style-type: none"> - Khoa lâm sàng, cận lâm sàng, dược, dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn: ghi theo mã khoa. - Khoa gồm nhiều chuyên khoa ghi: ký tự “K” và lần lượt hai ký tự số của mã các khoa, ví dụ: Khoa Nội tiết - Di ứng ghi “K0809”. - Đơn nguyên thuộc Khoa ghi: mã khoa, ký tự “.D” và hai ký tự số của mã khoa tương ứng với đơn nguyên, ví dụ: khoa Hồi sức cấp cứu có đơn nguyên Thận nhân tạo thì ghi "K02.D35".
3	TEN_KHOA	Chuỗi ký tự	n	<ul style="list-style-type: none"> - Bàn khám bệnh ngoại trú: ghi tên chuyên khoa tương ứng với mã bàn khám theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. - Khoa lâm sàng, khoa cận lâm sàng/dược/dinh dưỡng/chống nhiễm khuẩn: ghi tên khoa theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4	BAN_KHAM	Số	3	Số lượng bàn khám từng chuyên khoa hoặc khoa lâm sàng.
5	GIUONG_PD	Số	5	<ul style="list-style-type: none"> - Số giường bệnh nội trú tại từng bộ phận chuyên môn được cấp thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm cấp giấy phép hoạt động hoặc văn bản điều chỉnh giấy phép hoạt động khi thay đổi quy mô giường bệnh. - Số giường lưu tại nhà hộ sinh, trạm y tế xã, phòng khám đa khoa theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
6	GIUONG_TK	Số	5	Tổng số giường bệnh thực tế tại từng khoa.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
7	GIUONG_HSTC	Số	3	Số giường hồi sức tích cực đủ điều kiện theo quy định của Bộ Y tế
8	GIUONG_HSCC	Số	3	Số giường hồi sức cấp cứu đủ điều kiện theo quy định của Bộ Y tế
9	TU_NGAY	Chuỗi ký tự	8	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tạo lập danh mục sau khi ký hợp đồng lần đầu: ghi ngày hợp đồng có hiệu lực. - Trường hợp cập nhật, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng: ghi thời điểm gửi văn bản thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị trên văn bản thông báo nếu thời điểm đề nghị áp dụng sau ngày nhận được văn bản, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
10	DEN_NGAY	Chuỗi ký tự	8	Chỉ ghi khi cập nhật, điều chỉnh bản khám, giường bệnh trong khoa hoặc khoa dừng hoạt động: ghi thời điểm ngừng áp dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)
11	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Ghi chú: trường hợp có thay đổi Thông tin danh mục gửi bảng cập nhật gồm 02 dòng dữ liệu, trong đó dòng thứ nhất ghi thông tin cũ và DEN_NGAY là ngày ngừng áp dụng, dòng thứ 2 ghi thông tin thay đổi và TU_NGAY là ngày bắt đầu áp dụng, để trống chỉ tiêu DEN_NGAY.

III. Mẫu 02/DM Nhân lực thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc02_NLKCB
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc} passwordHash: {Password được mã hóa MD5}
Request Body	
Body	username: {username XXXXX_BV của cơ sở KCB được BHXHVN cấp} loaiHs:71 maTinh: {mã tỉnh của cơ sở KCB} maCơ sở KCB: {Mã cơ sở kcb} fileHsBase64: {Encode base 64 của file XML đã ký số }
Response Body	
Body	{ "maKetQua": "200", "maGiaoDich": "DANHMUC02_XXXXXX", "thongDiep": "Tiếp nhận thành công", "thoiGianTiepNhan": "20260308145721" }
Request example	curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc02_NLKCB' \ --header 'accessToken: ZG9LR1liR2tIekx2dnVXbysvNkF0K3VpYlgzbTRKUDNneEYzO EFwcE81Yz06MDE5MjlfQlY6MTM0MTI5MzczOTU0NDk4ND g3' \ --header 'tokenId: 066a5d68-3a13-4056-a7ae-1784060fa51e' \ --header 'passwordHash: XXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=71' \

	--data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXX'
--	---

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (70 - DM bộ phận chuyên môn, 71 - DM nhân lực KBCB, 10 - DM thuốc, chế phẩm thuốc, 11 - DM vật tư y tế, 12 - DM dịch vụ kỹ thuật, 72 - DM trang thiết bị)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	MaGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	ThoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
			giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020
4	ThongDiep	Chuỗi ký tự	Mô tả kết quả

4. Cấu trúc xml

```

<HSDANHMUC xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
  <DANHSACH_DMNHANLUCKBCB Id="Id-ae54e9ce-8baf-427f-9e82-
14962065d3b9">
    <DMNHANLUCKBCB>
      <STT>1</STT>
      <MA_KHOA>XXXX</MA_KHOA>
      <TEN_KHOA>XXXX</TEN_KHOA>
      <HO_TEN>XXXX</HO_TEN>
      <GIOI_TINH>XXXX</GIOI_TINH>
      <SO_DINH_DANH>XXXX</SO_DINH_DANH>
      <CHUCDANH_NN>XXXX</CHUCDANH_NN>
      <VI_TRI/>
      <MACCHN>XXXX</MACCHN>
      <NGAYCAP_CCHN>XXXX</NGAYCAP_CCHN>
      <NOICAP_CCHN>XXXX</NOICAP_CCHN>
      <PHAMVI_CM/>
      <PHAMVI_CMBS/>
      <DVKT_KHAC/>
      <VB_PHANCONG>XXXX</VB_PHANCONG>
      <THOIGIAN_DK>XXXX</THOIGIAN_DK>
      <THOIGIAN_NGAY/>
      <THOIGIAN_TUAN/>
      <CO_SO_KCB_KHAC/>
      <CO_SO_KCB_CGKT/>
      <QD_CGKT/>
      <TU_NGAY>XXXX</TU_NGAY>
      <DEN_NGAY>XXXX</DEN_NGAY>
      <MA_CO_SO_KCB>XXXX</MA_CO_SO_KCB>
    </DMNHANLUCKBCB>
  <DMNHANLUCKBCB>
    <STT>2</STT>
  
```

```

<MA_KHOA>XXXX</MA_KHOA>
<TEN_KHOA>XXXX</TEN_KHOA>
<HO_TEN>XXXX</HO_TEN>
<GIOI_TINH>XXXX</GIOI_TINH>
<SO_DINH_DANH>XXXX</SO_DINH_DANH>
<CHUCDANH_NN>XXXX</CHUCDANH_NN>
<VI_TRI/>
<MACCHN>XXXX</MACCHN>
<NGAYCAP_CCHN>XXXX</NGAYCAP_CCHN>
<NOICAP_CCHN>XXXX</NOICAP_CCHN>
<PHAMVI_CM/>
<PHAMVI_CMBS/>
<DVKT_KHAC/>
<VB_PHANCONG>XXXX</VB_PHANCONG>
<THOIGIAN_DK>XXXX</THOIGIAN_DK>
<THOIGIAN_NGAY/>
<THOIGIAN_TUAN/>
<CO_SO_KCB_KHAC/>
<CO_SO_KCB_CGKT/>
<QD_CGKT/>
<TU_NGAY>XXXX</TU_NGAY>
<DEN_NGAY>XXXX</DEN_NGAY>
<MA_CO_SO_KCB>XXXX</MA_CO_SO_KCB>
</DMNHANLUCKBCB>
</DANHSACH_DMNHANLUCKBCB>
<CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef"
xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
      <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>
      <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmllenc#sha256"/>
        <DigestValue>xxxx</DigestValue>
      </Reference>
      <Reference URI="#Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmllenc#sha256"/>

```

```

        <DigestValue>xxxxxxx</DigestValue>
    </Reference>
</SignedInfo>
<SignatureValue>base64</SignatureValue>
<KeyInfo>
    <X509Data>

        <X509SubjectName>CN=localhost</X509SubjectName>
        <X509Certificate>base64</X509Certificate>
    </X509Data>
</KeyInfo>
<Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
    <SignatureProperties xmlns="">
        <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <SigningTime>2025-11-
01T09:32:20</SigningTime>
        </SignatureProperty>
    </SignatureProperties>
</Object>
</Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSDANHMUC>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSDANHMUC	Thẻ root
2	DMNHANLUC KBCB	Thông tin nhân lực khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (Chi tiết mô tả tại mục 5)
3	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của DMNHANLUCKBCB

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	10	Số thứ tự

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
2	MA_KHOA	Chuỗi ký tự	100	<ul style="list-style-type: none"> - Người được phân công khám bệnh tại Khoa khám bệnh: ghi mã khám bệnh theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. - Người được phân công làm việc tại khoa lâm sàng, cận lâm sàng, dinh dưỡng, dược, chống nhiễm khuẩn: ghi mã khoa theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. Trường hợp được phân công làm việc tại nhiều khoa: ghi lần lượt mã từng khoa, cách nhau bằng dấu chấm phẩy “;”, trong đó mã khoa đầu tiên là khoa quản lý người làm việc. - Trường hợp được phân công làm việc tại khoa lâm sàng hoặc cận lâm sàng và khám bệnh luân phiên tại Khoa khám bệnh: ghi lần lượt mã khoa lâm sàng hoặc cận lâm sàng và mã bàn khám, cách nhau bằng dấu chấm phẩy “;”. - Người hành nghề làm việc tại các phòng, bộ phận khác (phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổ chức cán bộ...) đồng thời được phân công khám bệnh tại Khoa khám bệnh hoặc làm việc tại khoa lâm sàng, cận lâm sàng, dược, dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn: ghi mã khoa theo nơi được phân công khám bệnh hoặc làm việc. - Người làm việc khác tại Khoa khám bệnh (điều dưỡng, kỹ thuật y...): ghi “K01”.
3	TEN_KHOA	Chuỗi ký tự	n	<ul style="list-style-type: none"> - Người được phân công khám bệnh tại Khoa khám bệnh: ghi tên chuyên khoa khám bệnh tương ứng với mã bàn khám theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành.

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
				<p>- Người được phân công làm việc tại khoa lâm sàng, cận lâm sàng, dinh dưỡng, dược, chống nhiễm khuẩn: ghi tên khoa theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp được phân công làm việc tại nhiều khoa: ghi lần lượt tên từng khoa, cách nhau bằng dấu chấm phẩy “;”, trong đó tên khoa đầu tiên là khoa quản lý người làm việc.</p> <p>- Trường hợp được phân công làm việc tại khoa lâm sàng hoặc cận lâm sàng và khám bệnh luân phiên tại Khoa khám bệnh: ghi lần lượt tên khoa lâm sàng hoặc cận lâm sàng và tên bàn khám, cách nhau bằng dấu chấm phẩy “;”.</p> <p>- Người hành nghề làm việc tại các phòng, bộ phận khác (phòng Kế hoạch tổng hợp, Tổ chức cán bộ...) đồng thời được phân công khám bệnh tại Khoa khám bệnh hoặc làm việc tại khoa lâm sàng, cận lâm sàng, dược, dinh dưỡng, chống nhiễm khuẩn: ghi tên khoa theo nơi được phân công khám bệnh hoặc làm việc.</p> <p>- Người làm việc khác tại Khoa khám bệnh (điều dưỡng, kỹ thuật viên...): ghi “Khoa khám bệnh”.</p>
4	HO_TEN	Chuỗi ký tự	250	Họ và tên
5	GIOI_TINH	Số	1	Giới tính (1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định)
6	SO_DINH_DANH	Chuỗi ký tự	15	Số căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân trên thẻ căn cước
7	CHUCDANH_NN	Chuỗi ký tự	2	Cách ghi “1”: Bác sỹ, “2”: Y sỹ, “3”: Điều dưỡng, “4”: Hộ sinh, “5”: Kỹ thuật y, “6”: Cử nhân tâm lý lâm sàng, “7”: Lương y, “8”: Dược sỹ, “9”: người tham

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
				gia vào quá trình khám bệnh, chữa bệnh nhưng không cần phải cấp giấy phép hành nghề
8	VI_TRI	Chuỗi ký tự	5	Cách ghi “1”: người chịu trách nhiệm chuyên môn; “2”: Trưởng khoa/ Trưởng đơn nguyên/người phụ trách phòng khám chuyên khoa đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có hình thức Tổ chức là phòng khám liên chuyên khoa; “3”: người chịu trách nhiệm chuyên môn kiêm Trưởng khoa; “4”: Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký giấy chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh, giấy ra viện, giấy hẹn khám lại; “5”: Người hành nghề được giao phụ trách khoa trong trường hợp không có trưởng khoa; “6”: Người được ủy quyền chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật theo khoản 11 Điều 27 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP
9	MACCHN	Chuỗi ký tự	250	Số, ký hiệu của giấy phép hành nghề, ghi đối với các chức danh chuyên môn phải có giấy phép hành nghề
10	NGAYCAP_CCHN	Chuỗi ký tự	8	Thời điểm cấp giấy phép hành nghề, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày), ghi đối với các chức danh chuyên môn phải có giấy phép hành nghề
11	NOICAP_CCHN	Chuỗi ký tự	250	Tên cơ quan cấp giấy phép hành nghề, ghi đối với các chức danh chuyên môn phải có giấy phép hành nghề
12	PHAMVI_CM	Chuỗi ký tự	15	Phạm vi hành nghề theo giấy phép hành nghề và các quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề (nếu có), trường hợp phạm vi hành nghề gồm nhiều chuyên khoa thì

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
				ghi đầy đủ các chuyên khoa cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"
13	PHAMVI_CMBS	Chuỗi ký tự	50	<p>Ngày và số, ký hiệu của các quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề, ghi theo định dạng YYYYMMDD_Z (trong đó YYYYMMDD là 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày, Z là số, ký hiệu của quyết định).</p> <p>Trường hợp có nhiều quyết định bổ sung ghi cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"</p>
14	DVKT_KHAC	Chuỗi ký tự	n	<p>Mã dịch vụ kỹ thuật được người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phân công thực hiện ngoài phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trên giấy phép hành nghề và quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề; kỹ thuật do người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phân công thực hiện đối với người tham gia vào quá trình khám bệnh, chữa bệnh nhưng không cần phải cấp giấy phép hành nghề; ghi 07 ký tự đầu của mã dịch vụ kỹ thuật theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. Trường hợp thực hiện nhiều dịch vụ kỹ thuật ghi các mã cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"</p>
15	VB_PHANCONG	Chuỗi ký tự	50	<p>Ngày và số, ký hiệu của văn bản phân công thực hiện dịch vụ kỹ thuật ngoài phạm vi hành nghề trên Giấy phép hành nghề và quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề hoặc văn bản phân công của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với người thực hiện dịch vụ kỹ thuật nhưng không cần phải cấp Giấy phép hành nghề, ghi theo định dạng YYYYMMDD_Z (trong đó YYYYMMDD là 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày, Z là số, ký hiệu</p>

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
				của văn bản). Trường hợp có nhiều quyết định phân công thì các quyết định cách nhau bởi dấu chấm phẩy ";"
16	THOIGIAN_DK	Số	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đăng ký hành nghề (1: toàn thời gian; 2: không toàn thời gian). - Người hành nghề đã đăng ký hành nghề tại một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh theo hợp đồng giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với nhau thì không ghi các chỉ tiêu 16, 17 và 18.
17	THOIGIAN_NGAY	Chuỗi ký tự	200	<p>Thời gian làm việc ghi theo thời gian đăng ký hành nghề đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Y tế, không ghi thời gian trực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định dạng: HHMM-HHMM (HH là giờ, MM là phút). Ví dụ: làm việc từ 8 giờ đến 12 giờ thì ghi "0800-1200" - Trường hợp thời gian làm việc của các ngày trong tuần khác nhau hoặc các khoảng thời gian làm việc không liên tục trong ngày thì ghi lần lượt từng khoảng thời gian làm việc của từng ngày. Ví dụ: thứ 2 làm việc từ 8 giờ đến 15 giờ, thứ 3 làm việc từ 7 giờ đến 11 giờ, thứ 4 làm việc từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ thì ghi là "T20800-1500;T30700-1100;T40800-1100;T41400-1700" - Người tham gia vào quá trình khám bệnh, chữa bệnh nhưng không phải cấp giấy phép hành nghề: ghi theo phân công của người chịu trách nhiệm chuyên môn.
18	THOIGIAN_TUAN	Chuỗi ký tự	200	Ngày làm việc trong tuần ghi theo thời gian đăng ký hành nghề đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
				<p>Trang thông tin điện tử của Sở Y tế, không ghi thời gian trực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách ghi gồm 02 ký tự là chữ "T" và số tương ứng, riêng Chủ nhật là "CN". Ví dụ: chỉ làm việc các ngày thứ 2, thứ 3, thứ 5 thì ghi "T2T3T5" - Người tham gia vào quá trình khám bệnh, chữa bệnh nhưng không phải cấp giấy phép hành nghề: ghi theo phân công của người chịu trách nhiệm chuyên môn.
19	CSKCB_KHAC	Chuỗi ký tự	30	Mã các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác nơi người hành nghề đăng ký làm việc (nếu có), các mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"
20	CSKCB_CGKT	Chuỗi ký tự	5	<ul style="list-style-type: none"> - Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyển giao dịch vụ kỹ thuật (nếu có). - Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyển giao dịch vụ kỹ thuật không ghi chỉ tiêu này.
21	QD_CGKT	Chuỗi ký tự	50	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày và số, ký hiệu của văn bản giao thực hiện chuyển giao kỹ thuật của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi chuyển giao kỹ thuật, ghi theo định dạng YYYYMMDDZ (trong đó YYYYMMDD là 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày, Z là số, ký hiệu quyết định). - Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyển giao dịch vụ kỹ thuật không ghi chỉ tiêu này.
22	TU_NGAY	Chuỗi ký tự	8	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tạo lập danh mục sau khi ký hợp đồng lần đầu: ghi ngày hợp đồng có hiệu lực.

TT	Chỉ tiêu	Định dạng	Kích thước tối đa	Diễn giải
				- Trường hợp cập nhật, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng: ghi thời điểm gửi văn bản thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị trên văn bản thông báo nếu thời điểm đề nghị áp dụng sau ngày nhận được văn bản, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
23	DEN_NGAY	Chuỗi ký tự	8	Chỉ ghi khi cập nhật, điều chỉnh thông tin của nhân lực khám bệnh, chữa bệnh hoặc ngừng khám bệnh, chữa bệnh: ghi thời điểm ngừng áp dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)
23	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Ghi chú: trường hợp có thay đổi thông tin danh mục gửi bảng cập nhật gồm 02 dòng dữ liệu, trong đó dòng thứ nhất ghi thông tin cũ và DEN_NGAY là ngày ngừng áp dụng, dòng thứ 2 ghi thông tin thay đổi và TU_NGAY là ngày bắt đầu áp dụng, để trong chỉ tiêu DEN_NGAY.

IV. Mẫu 03/DM Danh mục thuốc, máu, chế phẩm máu áp dụng trong thanh toán bảo hiểm y tế

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc03_DMTHUOC
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc}

	passwordHash: {Password được mã hóa MD5}
Request Body	
Body	username: {username XXXXX_BV của cơ sở KCB được BHXHVN cấp} loạiHs:10 maTinh: {mã tỉnh của cơ sở KCB} maCơ sở KCB: {Mã cơ sở kcb} fileHsBase64: {Encode base 64 của file XML đã ký số }
Response Body	
Body	<pre>{ "maKetQua": "200", "maGiaoDich": "DANHMUC03_XXXXX", "thongDiep": "Tiếp nhận thành công", "thoiGianTiepNhan": "20260308145721" }</pre>
Request example	<pre>curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc 03_DMTHUOC' \ --header 'accessToken: cENIYlBuSUtnYVgzV016eXhFV1Z0eU8xK3BiUmhFYVhPc116 NWVCMDJZbz06MDE5MjlfQlY6MTM0MTI5NDAYMzE4NzEy MDY3' \ --header 'tokenId: 802be144-10e3-454b-a40d-822442ff48a8' \ --header 'passwordHash: XXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=10' \ --data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXX'</pre>

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc

4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (70 - DM bộ phận chuyên môn, 71 - DM nhân lực KBCB, 10 - DM thuốc, chế phẩm thuốc, 11 - DM vật tư y tế, 12 - DM dịch vụ kỹ thuật, 72 - DM trang thiết bị)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	MaGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	ThoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020
4	ThongDiep	Chuỗi ký tự	Mô tả kết quả

4. Cấu trúc xml

```
<HSDANH MUC xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
  <DANH SACH_DM THUOC MAUCHE PHAM MAU Id="Id-e829715d-
9064-4332-966e-cac67ecb1e6e">
```

<DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU>

<STT>1</STT>

<MA_THUOC>XXXX</MA_THUOC>

<TEN_HOAT_CHAT>XXXX</TEN_HOAT_CHAT>

<TEN_THUOC>XXXX</TEN_THUOC>

<DON_VI_TINH>XXXX</DON_VI_TINH>

<HAM_LUONG>XXXX</HAM_LUONG>

<DUONG_DUNG>XXXX</DUONG_DUNG>

<MA_DUONG_DUNG>XXXX</MA_DUONG_DUNG>

<DANG_BAO_CHE>XXXX</DANG_BAO_CHE>

<SO_DANG_KY>XXXX</SO_DANG_KY>

<SO_LUONG>XXXX</SO_LUONG>

<DON_GIA>XXXX</DON_GIA>

<DON_GIA_BH>XXXX</DON_GIA_BH>

<QUY_CACH>XXXX</QUY_CACH>

<NHA_SX>XXXX</NHA_SX>

<NUOC_SX>XXXX</NUOC_SX>

<NHA_THAU>XXXX</NHA_THAU>

<TT_THAU>XXXX</TT_THAU>

<TU_NGAY_HD>XXXX</TU_NGAY_HD>

<DEN_NGAY_HD>XXXX</DEN_NGAY_HD>

<MA_CO_SO_KCB>XXXX</MA_CO_SO_KCB>

<LOAI_THUOC>XXXX</LOAI_THUOC>

<LOAI_THAU>XXXX</LOAI_THAU>

<HT_THAU>XXXX</HT_THAU>

<MA_DVKT/>

<TCCL/>

<BO_PHAN_VT/>

<TEN_KHOA_HOC>XXXX</TEN_KHOA_HOC>

<NGUON_GOC>XXXX</NGUON_GOC>

<PP_CHEBIEN>XXXX</PP_CHEBIEN>

<MA_DL_NHAP>XXXX</MA_DL_NHAP>

<MA_DL_CB>XXXX</MA_DL_CB>

<TLHH_CB>XXXX</TLHH_CB>

<TLHH_BQ>XXXX</TLHH_BQ>

<MA_CO_SO_KCB_THUOC>XXXX</MA_CO_SO_KCB_THUOC>

KCB_THUOC>

<TU_NGAY>XXXX</TU_NGAY>

<DEN_NGAY>XXXX</DEN_NGAY>

</DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU>

<DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU>

<STT>2</STT>

<MA_THUOC>XXXX</MA_THUOC>

<TEN_HOAT_CHAT>XXXX</TEN_HOAT_CHAT>

```

<TEN_THUOC>XXXX</TEN_THUOC>
<DON_VI_TINH>XXXX</DON_VI_TINH>
<HAM_LUONG>XXXX</HAM_LUONG>
<DUONG_DUNG>XXXX</DUONG_DUNG>
<MA_DUONG_DUNG>XXXX</MA_DUONG_DUNG>
<DANG_BAO_CHE>XXXX</DANG_BAO_CHE>
<SO_DANG_KY>XXXX</SO_DANG_KY>
<SO_LUONG>XXXX</SO_LUONG>
<DON_GIA>XXXX</DON_GIA>
<DON_GIA_BH>XXXX</DON_GIA_BH>
<QUY_CACH>XXXX</QUY_CACH>
<NHA_SX>XXXX</NHA_SX>
<NUOC_SX>XXXX</NUOC_SX>
<NHA_THAU>XXXX</NHA_THAU>
<TT_THAU>XXXX</TT_THAU>
<TU_NGAY_HD>XXXX</TU_NGAY_HD>
<DEN_NGAY_HD>XXXX</DEN_NGAY_HD>
<MA_CO_SỎ_KCB>XXXX</MA_CO_SỎ_KCB>
<LOAI_THUOC>XXXX</LOAI_THUOC>
<LOAI_THAU>XXXX</LOAI_THAU>
<HT_THAU>XXXX</HT_THAU>
<MA_DVKT/>
<TCCL/>
<BO_PHAN_VT/>
<TEN_KHOA_HOC>XXXX</TEN_KHOA_HOC>
<NGUON_GOC>XXXX</NGUON_GOC>
<PP_CHEBIEN>XXXX</PP_CHEBIEN>
<MA_DL_NHAP>XXXX</MA_DL_NHAP>
<MA_DL_CB>XXXX</MA_DL_CB>
<TLHH_CB>XXXX</TLHH_CB>
<TLHH_BQ>XXXX</TLHH_BQ>
<MA_CO_SỎ_KCB_THUOC>XXXX</MA_CO_SỎ_KCB_THUOC>
KCB_THUOC>
<TU_NGAY>XXXX</TU_NGAY>
<DEN_NGAY>XXXX</DEN_NGAY>
</DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU>
</DANH_SACH_DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU>
<CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef"
xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>

```



```

        <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>
        <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
            <DigestValue>xxxx</DigestValue>
        </Reference>
        <Reference URI="#Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
            <DigestValue>xxxxxxx</DigestValue>
        </Reference>
    </SignedInfo>
    <SignatureValue>base64</SignatureValue>
    <KeyInfo>
        <X509Data>

            <X509SubjectName>CN=localhost</X509SubjectName>
            <X509Certificate>base64</X509Certificate>
            </X509Data>
        </KeyInfo>
        <Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <SignatureProperties xmlns="">
                <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
                    <SigningTime>2025-11-
01T09:32:20</SigningTime>
                </SignatureProperty>
            </SignatureProperties>
        </Object>
    </Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSDANHMUC>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSDANHMUC	Thẻ root

TT	Tên thẻ	Mô tả
2	DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU	Thông tin thuốc, máu, chế phẩm máu (Chi tiết mô tả tại mục 5)
3	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của DMTHUOCMAUCHEPHAMMAU

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	6	Số thứ tự
2	MA_THUOC	Chuỗi ký tự	255	Mã thuốc, máu, chế phẩm máu ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT của Bộ Y tế
3	TEN_HOAT_CHAT	Chuỗi ký tự	1024	<ul style="list-style-type: none"> Tên hoạt chất hoặc thành phần. Đối với thuốc tự bào chế, pha chế: ghi các hoạt chất/thành phần, cách nhau bằng dấu phẩy ",". Đối với máu, chế phẩm máu: không ghi chỉ tiêu này.
4	TEN_THUOC	Chuỗi ký tự	1024	<ul style="list-style-type: none"> Tên thuốc ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT của Bộ Y tế. Tên máu, chế phẩm máu: ghi theo quy định của Bộ Y tế.
5	DON_VI_TINH	Chuỗi ký tự	50	Đơn vị tính
6	HAM_LUONG	Chuỗi ký tự	1024	<ul style="list-style-type: none"> Hàm lượng của thuốc hoặc thể tích thực của máu, chế phẩm máu. Đối với các loại khí y tế, vị thuốc cổ truyền: không ghi chỉ tiêu này.
7	DUONG_DUNG	Chuỗi ký tự	255	<ul style="list-style-type: none"> Đường dùng của thuốc hoặc máu, chế phẩm máu. Trường hợp thuốc có nhiều đường dùng thì ghi các dòng thông tin của

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				thuốc tương ứng với mỗi đường dùng.
8	MA_DUONG_DUNG	Chuỗi ký tự	10	- Mã đường dùng theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. - Trường hợp thuốc có nhiều đường dùng thì ghi các dòng thông tin của thuốc tương ứng với mỗi đường dùng.
9	DANG_BAO_CHE	Chuỗi ký tự	1024	- Dạng bào chế của thuốc ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT. - Đối với máu, chế phẩm máu: không ghi chỉ tiêu này.
10	SO_DANG_KY	Chuỗi ký tự	1024	Số đăng ký ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT
11	SO_LUONG	Số	10	Số lượng ghi theo kết quả trúng thầu hoặc hình thức mua sắm khác
12	DON_GIA	Số	15	- Đơn giá ghi theo kết quả trúng thầu hoặc hình thức mua sắm khác, tương ứng với đơn vị tính. - Đối với thuốc do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự bào chế, chế biến: là giá do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và phê duyệt.
13	DON_GIA_BH	Số	10	Đơn giá thanh toán bảo hiểm y tế ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT
14	QUY_CACH	Chuỗi ký tự	1024	Quy cách đóng gói; chỉ ghi đối với thuốc
15	NHA_SX	Chuỗi ký tự	1024	Nhà sản xuất
16	NUOC_SX	Chuỗi ký tự	100	Nước sản xuất

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
17	NHA_THAU	Chuỗi ký tự	1024	Tên nhà thầu hoặc tên đơn vị cung ứng
18	TT_THAU	Chuỗi ký tự	50	Thông tin thầu ghi theo hướng dẫn tại Quyết định 3176/QĐ-BYT; chỉ ghi đối với thuốc.
19	TU_NGAY_HD	Chuỗi ký tự	8	Thời điểm có hiệu lực hợp đồng cung ứng, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)
20	DEN_NGAY_HD	Chuỗi ký tự	8	Thời điểm hết hiệu lực của hợp đồng cung ứng, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
21	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
22	LOAI_THUOC	Số	2	Cách ghi loại thuốc “1”: tân dược; “2”: chế phẩm; “3”: vị thuốc; “4”: phóng xạ; “5”: tân dược tự bào chế; “6”: chế phẩm tự bào chế; “7”: dược liệu; “8”: vị thuốc tự bào chế, “9”: máu, “10”: chế phẩm máu
23	LOAI_THAU	Số	1	Cách ghi loại thầu “1”: thầu tập trung; “2”: thầu riêng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; “3”: tự pha chế, bào chế, chế biến; “4”: mua sắm theo Điều 49 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP; “5”: mua sắm theo khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; “6”: tùy chọn mua thêm; “7”: nhận điều chuyển, điều tiết thuốc
24	HT_THAU	Số	1	- Cách ghi hình thức thầu “1”: đấu thầu rộng rãi; “2”: đấu thầu hạn chế; “3”: chỉ định thầu; “4”: chào hàng cạnh tranh; “5”: mua sắm trực tiếp; “6”: lựa chọn nhà thầu trong trường

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				<p>hợp đặc biệt; “7”: đàm phán giá; “8”: chào giá trực tuyến; “9”: mua sắm trực tuyến).</p> <p>- Không ghi chỉ tiêu này nếu LOAI_THAU = 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 7.</p>
25	MA_DVKT	Chuỗi ký tự	1024	Mã dịch vụ kỹ thuật có sử dụng thuốc phóng xạ, chất đánh dấu. Ghi 07 ký tự đầu của mã dịch vụ kỹ thuật theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. Trường hợp thực hiện nhiều dịch vụ kỹ thuật ghi các mã cách nhau bằng dấu chấm phẩy ";"
26	TCCL	Chuỗi ký tự	50	Tiêu chuẩn chất lượng hoặc số công bố tiêu chuẩn chất lượng đối với dược liệu theo quy định của Bộ Y tế
27	BO_PHAN_VT	Số	1	Cách ghi bộ phận sử dụng của vị thuốc, dược liệu “1”: rễ; “2”: thân rễ; “3”: quả; “4”: hạt; “5”: vỏ; “6”: khác
28	TEN_KHOA_HOC	Chuỗi ký tự	500	Tên khoa học của vị thuốc, dược liệu
29	NGUON_GOC	Chuỗi ký tự	500	Nguồn gốc của vị thuốc, dược liệu
30	PP_CHEBIEN	Chuỗi ký tự	1024	Mã phương pháp chế biến vị thuốc cổ truyền theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành. Trường hợp thực hiện nhiều phương pháp chế biến ghi các mã cách nhau bằng dấu chấm phẩy";".
31	MA_DL_NHAP	Chuỗi ký tự	3	Tình trạng vị thuốc, dược liệu khi mua sắm theo Danh mục mã phương pháp chế biến vị thuốc y học cổ truyền do Bộ Y tế ban hành.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
32	MA_DL_CB	Chuỗi ký tự	3	Trạng dược liệu được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực tiếp chế biến theo Danh mục mã phương pháp chế biến vị thuốc y học cổ truyền do Bộ Y tế ban hành. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không chế biến vị thuốc: không ghi chỉ tiêu này.
33	TLHH_CB	Số	4	Tỷ lệ hao hụt trong chế biến đối với vị thuốc, dược liệu
34	TLHH_BQ	Số	4	Tỷ lệ hao hụt do bảo quản, cân chia đối với vị thuốc, dược liệu
35	MA_CSKCB_THUOC	Chuỗi ký tự	5	Trường hợp nhận thuốc chuyển, điều tiết đến từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì ghi C.XXXXXX (XXXXXX là mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi chuyển thuốc đi)
36	TU_NGAY	Chuỗi ký tự	8	Định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
		Chuỗi ký tự		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tạo lập danh mục sau khi ký hợp đồng lần đầu: ghi ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không sớm hơn thời điểm có hiệu lực của hợp đồng mua sắm hoặc thời điểm mua sắm theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP hoặc khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. - Trường hợp cập nhật, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng: ghi thời điểm gửi văn bản thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị trên văn bản thông báo nếu thời điểm đề nghị áp dụng sau ngày

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				nhận được văn bản. - Trường hợp mua sắm thuốc để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 và khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: ghi ngày trên hóa đơn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
37	DEN_NGAY	Chuỗi ký tự	8	Chỉ ghi khi cập nhật, điều chỉnh thông tin hoặc ngừng sử dụng: ghi thời điểm ngừng áp dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)

Ghi chú: trường hợp có thay đổi thông tin danh mục gửi bảng cập nhật gồm 02 dòng dữ liệu, trong đó dòng thứ nhất ghi thông tin cũ và DEN_NGAY là ngày ngừng áp dụng, dòng thứ 2 ghi thông tin thay đổi và TU_NGAY là ngày bắt đầu áp dụng, để trống chỉ tiêu DEN_NGAY.

V. Mẫu 04/DM Danh mục thiết bị y tế áp dụng trong thanh toán bảo hiểm y tế

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc04_DMVTYT
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc} passwordHash: {Password được mã hóa MD5}

Request Body	
Body	username: {username XXXXX_BV của cơ sở KCB được BHXH Việt Nam cấp} loạiHs:11 maTinh: {mã tỉnh của cơ sở KCB} maCơ sở KCB: {Mã cơ sở kcb} fileHsBase64: {Encode base 64 của file XML đã ký số }
Response Body	
Body	<pre>{ "maKetQua": "DANH MUC 04_XXXXXXXX", "maGiaoDich": "200", "thongDiep": "XXXXXXXXXX", "thoiGianTiepNhan": "20260131152649" }</pre>
Request example	<pre>curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc 04_DMVTYT' \ --header 'accessToken: b1ZDUUlmRTdvTHhqeVI2YjIMUUNGUm1qd2FNZEkyUm5xTk tEQlUySzlvND06MDE5MjlfQlY6MTM0MTI5NDIwMDgyMDgy MjA4' \ --header 'tokenId: cf88b8e7-40fb-4f85-a566-8bbfd1221961' \ --header 'passwordHash: XXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=11' \ --data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXX'</pre>

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (11 – Danh mục thiết bị y tế áp dụng trong thanh toán bảo hiểm y tế)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	maKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	maGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	thongDiep	Chuỗi ký tự	Thông điệp thông báo tiếp nhận thành công hoặc thông báo lỗi nếu có
4	thoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020

4. Cấu trúc xml

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<HSDANHMUC xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
  <DSACH_TBYT Id="Id-562400ef-2f9b-4daa-9c25-66f85211c38e">
    <DM_TBYT>
      <STT>1</STT>
      <MA_VAT_TU>XXXXXXXXXX</MA_VAT_TU>
      <NHOM_VAT_TU>Kim tiêm</NHOM_VAT_TU>
      <TEN_VAT_TU>Kim dùng cho buồng
tiêm</TEN_VAT_TU>
      <MA_HIEU>XXXXXXX</MA_HIEU>
      <SO_LUU_HANH/>
      <TINGHANG_KT/>
      <QUY_CACH>1 bộ/túi</QUY_CACH>
      <HANG_SX>XXXXXXXX</HANG_SX>
      <NUOC_SX>XXXXXXXX</NUOC_SX>
      <DON_VI_TINH>Cái</DON_VI_TINH>
      <DON_GIA>15000</DON_GIA>
      <DON_GIA_BH>15000</DON_GIA_BH>
      <TYLE_TT_BH>80</TYLE_TT_BH>
      <SO_LUONG>770</SO_LUONG>
      <DINH_MUC/>
      <NHA_THAU>Công ty cổ phần</NHA_THAU>
      <TT_THAU>456/XXXXXXXXXX;G1;N1;2023</TT_THAU>
      <TU_NGAY_HD/>
      <DEN_NGAY_HD/>
      <MA_CO_SỞ_KCB>XXXXXX</MA_CO_SỞ_KCB>
      <LOAI_THAU>1</LOAI_THAU>
      <HT_THAU>1</HT_THAU>
      <MA_CO_SỞ_KCB_TBYT/>
      <TU_NGAY>20230301</TU_NGAY>
      <DEN_NGAY>20251231</DEN_NGAY>
    </DM_TBYT>
  </DSACH_TBYT>
  <CHUKYDONVI>
    <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-562400ef-2f9b-4daa-9c25-
66f85211c38e" xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
      <SignedInfo>
        <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
        <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>

```

```

    <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
562400ef-2f9b-4daa-9c25-66f85211c38e">
      <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
      <DigestValue>xxxxx</DigestValue>
    </Reference>
    <Reference URI="#Id-562400ef-2f9b-4daa-9c25-
66f85211c38e">
      <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
      <DigestValue>xxxxx</DigestValue>
    </Reference>
  </SignedInfo>
  <SignatureValue>base64</SignatureValue>
  <KeyInfo>
    <X509Data>
      <X509SubjectName>CN=localhost,
C=VN</X509SubjectName>
      <X509Certificate>base64</X509Certificate>
    </X509Data>
  </KeyInfo>
  <Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-562400ef-2f9b-
4daa-9c25-66f85211c38e">
    <SignatureProperties xmlns="">
      <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-562400ef-2f9b-4daa-9c25-66f85211c38e" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-562400ef-2f9b-4daa-9c25-66f85211c38e">
        <SigningTime>2026-01-
31T15:29:06</SigningTime>
      </SignatureProperty>
    </SignatureProperties>
  </Object>
</Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSDANHMUC>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSDANHMUC	Thẻ root

TT	Tên thẻ	Mô tả
2	DSACH_TBYT	Thông tin danh sách các chi tiết
3	DM_TBYT	Thông tin thiết bị y tế (Chi tiết được mô tả ở mục 5)
4	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của DM_TBYT

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	10	Số thứ tự
2	MA_VAT_TU	Chuỗi ký tự	50	Mã theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành đối với thiết bị y tế ban hành kèm theo các Thông tư số 04/2017/TT-BYT và 24/2025/TT-BYT
3	NHOM_VAT_TU	Chuỗi ký tự	1024	Tên nhóm thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT và Thông tư số 24/2025/TT-BYT
4	TEN_VAT_TU	Chuỗi ký tự	n	Tên thương mại ghi theo quyết định trúng thầu hoặc hình thức mua sắm khác
5	MA_HIEU	Chuỗi ký tự	1024	Mã hiệu ghi theo hướng dẫn tại Quyết định 3176/QĐ-BYT
6	SO_LUU_HANH	Chuỗi ký tự	20	Số lưu hành của thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP
7	TINHNANG_KT	Chuỗi ký tự	n	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản của thiết bị y tế (ví dụ: kích thước, cấu tạo, vật liệu...)
8	QUY_CACH	Chuỗi ký tự	1024	Quy cách đóng gói
9	HANG_SX	Chuỗi ký tự	1024	Tên hãng sản xuất
10	NUOC_SX	Chuỗi ký tự	100	Tên nước sản xuất
11	DON_VI_TINH	Chuỗi ký tự	50	Đơn vị tính

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
12	DON_GIA	Số	10	- Đơn giá ghi theo kết quả trúng thầu hoặc hình thức mua sắm khác, tương ứng với đơn vị tính - Trường hợp thiết bị y tế do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự sản xuất: là giá do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xây dựng và phê duyệt.
13	DON_GIA_BH	Số	10	Đơn giá thanh toán bảo hiểm y tế theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT
14	TYLE_TT_BH	Số	3	Tỷ lệ thanh toán bảo hiểm y tế đối với thiết bị y tế có quy định tỷ lệ (%), biểu thị bằng số nguyên dương. Ví dụ: tỷ lệ thanh toán của thiết bị y tế là 50% thì ghi là 50, thiết bị y tế không quy định tỷ lệ thanh toán thì ghi 100.
15	SO_LUONG	Số	10	Số lượng theo kết quả trúng thầu hoặc hình thức mua sắm khác
16	DINH_MUC	Số	4	Số lần sử dụng của thiết bị y tế tái sử dụng (nếu có). Ví dụ: Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng sử dụng 04 lần thì ghi là “4”
17	NHA_THAU	Chuỗi ký tự	1024	Tên nhà thầu hoặc tên đơn vị cung ứng
18	TT_THAU	Chuỗi ký tự	50	Thông tin thầu ghi theo hướng dẫn tại Quyết định 3176/QĐ-BYT
19	TU_NGAY_HD	Chuỗi ký tự	8	Thời điểm có hiệu lực hợp đồng cung ứng, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)
20	DEN_NGAY_HD	Chuỗi ký tự	8	Thời điểm hết hiệu lực của hợp đồng cung ứng, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)
21	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
22	LOAI_THAU	Số	2	Cách ghi loại thầu “1”: thầu tập trung; “2”: thầu riêng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; “3”: tự sản xuất; “4”: mua sắm theo Điều 49 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP; “5”: mua sắm theo khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; “6”: tùy chọn mua thêm; “7”: nhận điều chuyển thiết bị y tế
23	HT_THAU	Số	2	<p>- Cách ghi hình thức đấu thầu “1”: đấu thầu rộng rãi; “2”: đấu thầu hạn chế; “3”: chỉ định thầu; “4”: chào hàng cạnh tranh; “5”: mua sắm trực tiếp; “6”: lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; “7”: đàm phán giá; “8”: chào giá trực tuyến; “9”: mua sắm trực tuyến).</p> <p>- Trường hợp LOAI_THAU = 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 7: không ghi chỉ tiêu này.</p>
24	MA_CSKCB_TBYT	Chuỗi ký tự	5	Trường hợp nhận thiết bị y tế thuộc phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế điều chuyển từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác theo quy định để điều trị cho người bệnh thì ghi C.XXXXX (XXXXX là mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi chuyển thiết bị y tế đi)
25	TU_NGAY	Chuỗi ký tự	8	<p>Định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).</p> <p>- Trường hợp lập danh mục khi ký hợp đồng lần đầu: ghi ngày hợp đồng có hiệu lực nhưng không sớm hơn thời điểm có hiệu lực của hợp đồng mua sắm hoặc thời điểm mua sắm theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP hoặc khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Trường hợp cập nhật, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng: ghi thời điểm gửi văn bản thông báo đến cơ quan</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				<p>bảo hiểm xã hội hoặc ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị trên văn bản nếu thời điểm đề nghị áp dụng sau ngày nhận văn bản.</p> <p>- Trường hợp mua sắm thiết bị y tế để cấp cứu người bệnh theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 và khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: ghi ngày trên hóa đơn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p>
26	DEN_NGAY	Chuỗi ký tự	8	Chỉ ghi khi cập nhật, điều chỉnh thông tin hoặc ngừng sử dụng: ghi thời điểm ngừng áp dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).

Ghi chú: trường hợp có thay đổi thông tin danh mục gửi bảng cập nhật gồm 02 dòng dữ liệu, trong đó dòng thứ nhất ghi thông tin cũ và DEN_NGAY là ngày ngừng áp dụng, dòng thứ 2 ghi thông tin thay đổi và TU_NGAY là ngày bắt đầu áp dụng, để trống chỉ tiêu DEN_NGAY.

VI. Mẫu 05/DM Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng trong thanh toán bảo hiểm y tế

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc05_DVKT
Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	<p>accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc}</p> <p>tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc}</p> <p>passwordHash: {Password được mã hóa MD5}</p>

Request Body	
Body	username: {username XXXXX_BV của cơ sở KCB được BHXHVN cấp} loaiHs:12 maTinh: {mã tỉnh của cơ sở KCB} maCơ sở KCB: {Mã cơ sở kcb} fileHsBase64: {Encode base 64 của file XML đã ký số }
Response Body	
Body	{ "maKetQua": "200", "maGiaoDich": "DANHMUC05_XXXXX", "thongDiep": "Tiếp nhận thành công", "thoiGianTiepNhan": "20260308145721" }
Request example	curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc05_DVKT' \ --header 'accessToken: UXo0ZEMrSW5pU28xZkMrWmZLT3pVODFLanloQ2VYTzVEQ1dXN2J1RGwxND06MDE5MjlfQlY6MTM0MTY1MDUyOTU5Njk0OTI4' \ --header 'tokenId: 44f80fd5-f8e4-44b8-b72a-a94e63951103' \ --header 'passwordHash: XXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=12' \ --data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXX'

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (70 - DM bộ phận chuyên môn, 71 - DM nhân lực KBCB, 10 - DM thuốc, chế phẩm thuốc, 11 - DM vật tư y tế, 12 - DM dịch vụ kỹ thuật, 72 - DM trang thiết bị)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	MaGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	ThoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020
4	ThongDiep	Chuỗi ký tự	Mô tả kết quả

4. Cấu trúc xml

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<HSDANHMUC xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
```

<DANH_SACH_DMDICHVUKBCB Id="Id-dff5012a-537e-449a-aedb-48ec61bac47d">

<DMDICHVUKBCB>

<STT>1</STT>

<MA_DICH_VU>XXXX</MA_DICH_VU>

<TEN_DICH_VU>XXXX</TEN_DICH_VU>

<TEN_DVKT_GIA>XXXX</TEN_DVKT_GIA>

<DON_GIA>XXXX</DON_GIA>

<QUY_TRINH>XXXX</QUY_TRINH>

<SO_LUONG_CGKT>XXXX</SO_LUONG_CGKT>

<CO_SO_KCB_CGKT/>

<CO_SO_KCB_CLS/>

<QD_DVKT>XXXX</QD_DVKT>

<QD_PD_GIA>XXXX</QD_PD_GIA>

<GHI_CHU/>

<TU_NGAY>XXXX</TU_NGAY>

<DEN_NGAY/>

<MA_CO_SO_KCB>XXXX</MA_CO_SO_KCB>

<GIA_THANH_TOAN>XXXX</GIA_THANH_TOAN>

<DS_THUOCPX>

<TT_THUOCPX>

<STT>1</STT>

<MA_THUOC>XXXX</MA_THUOC>

<TEN_THUOC>XXXX</TEN_THUOC>

<SO_DANG_KY/>

<DON_VI_TINH/>

<TT_THAU/>

<DON_GIA_THUOC>XXXX</DON_GIA_THUOC>

<DM_NSX_CDD/>

<DM_THUCTE_CDD/>

<LIEU_BQ_PX/>

<TL_THUCTE_BQ_PX/>

<THANH_TIEN_THUOC/>

</TT_THUOCPX>

</DS_THUOCPX>

</DMDICHVUKBCB>

<DMDICHVUKBCB>

<STT>1</STT>

<MA_DICH_VU>XXXX</MA_DICH_VU>

<TEN_DICH_VU>XXXX</TEN_DICH_VU>

<TEN_DVKT_GIA>XXXX</TEN_DVKT_GIA>

<DON_GIA>XXXX</DON_GIA>

<QUY_TRINH>XXXX</QUY_TRINH>

```

<SO_LUONG_CGKT>XXXX</SO_LUONG_CGKT>
<CƠ_SỞ_KCB_CGKT/>
<CƠ_SỞ_KCB_CLS/>
<QD_DVKT>XXXX</QD_DVKT>
<QD_PD_GIA>XXXX</QD_PD_GIA>
<GHI_CHU/>
<TU_NGAY>XXXX</TU_NGAY>
<DEN_NGAY/>
<MA_CƠ_SỞ_KCB>XXXX</MA_CƠ_SỞ_KCB>
<GIA_THANH_TOAN>XXXX</GIA_THANH_TOAN>
<DS_THUOCPX>
  <TT_THUOCPX>
    <STT>1</STT>
    <MA_THUOC>XXXX</MA_THUOC>
    <TEN_THUOC>XXXX</TEN_THUOC>
    <SO_DANG_KY/>
    <DON_VI_TINH/>
    <TT_THAU/>

  <DON_GIA_THUOC>XXXX</DON_GIA_THUOC>
    <DM_NSX_CDD/>
    <DM_THUCTE_CDD/>
    <LIEU_BQ_PX/>
    <TL_THUCTE_BQ_PX/>
    <THANH_TIEN_THUOC/>
  </TT_THUOCPX>
</DS_THUOCPX>
</DMDICHVUKBCB>
</DANHSACH_DMDICHVUKBCB>
<CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef"
xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
      <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>
      <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmllenc#sha256"/>
        <DigestValue>xxxx</DigestValue>
      </Reference>

```

```

        <Reference URI="#Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
            <DigestValue>xxxxxxx</DigestValue>
        </Reference>
    </SignedInfo>
    <SignatureValue>base64</SignatureValue>
    <KeyInfo>
        <X509Data>

            <X509SubjectName>CN=localhost</X509SubjectName>
            <X509Certificate>base64</X509Certificate>
            </X509Data>
        </KeyInfo>
        <Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <SignatureProperties xmlns="">
                <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
                    <SigningTime>2025-11-
01T09:32:20</SigningTime>
                </SignatureProperty>
            </SignatureProperties>
        </Object>
    </Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSDANHMUC>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSDANHMUC	Thẻ root
2	DMDICHVUK BCB	Thông tin dịch vụ kỹ thuật (Chi tiết mô tả tại mục 5)
3	TT_THUOCPX	Thông tin thuộc phóng xạ (Chi tiết mô tả tại mục 6)
4	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của DMDICHVUKBCB

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	6	Số thứ tự
2	MA_DICH_VU	Chuỗi ký tự	20	Mã dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT của Bộ Y tế
3	TEN_DICH_VU	Chuỗi ký tự	n	Tên dịch vụ dịch vụ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện hoặc tên giường bệnh, khám bệnh theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành.
4	TEN_DVKT_GIA	Chuỗi ký tự	n	<p>Tên dịch vụ phê duyệt giá tại quyết định/ng nghị quyết của cấp có thẩm quyền hoặc tên giường bệnh theo khoa, khám bệnh theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dịch vụ kỹ thuật, trường hợp cần ghi rõ vị trí, phương pháp thực hiện hoặc phân biệt các mức giá khác nhau thì sau tên dịch vụ kỹ thuật ghi phần mô tả chi tiết trong ngoặc vuông []. - Đối với dịch vụ kỹ thuật sử dụng phương pháp vô cảm gây tê, bổ sung cụm từ "[gây tê]" sau tên dịch vụ.
5	DON_GIA	Số	15	Đơn giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thanh toán bảo hiểm y tế chưa bao gồm chi phí của thuốc phóng xạ và chất đánh dấu.
6	QUY_TRINH	Chuỗi ký tự	50	Ngày và số, ký hiệu của quyết định ban hành Quy trình chuyên môn kỹ thuật của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không ban hành thì ghi theo quyết định của Bộ Y tế, ghi theo định dạng YYYYMMDD_Z

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				(trong đó YYYYMMDD là 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày, Z là số, ký hiệu của quyết định)
7	SO_LUONG_CGKT	Số	4	Số lượng dịch vụ thực hiện theo hợp đồng chuyển giao kỹ thuật
8	CSKCB_CGKT	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyển giao dịch vụ kỹ thuật (nếu có), chỉ ghi đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhận chuyển giao dịch vụ kỹ thuật từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác
9	CSKCB_CLS	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện dịch vụ cận lâm sàng (nếu có), chỉ ghi đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyển dịch vụ cận lâm sàng
10	QD_DVKT	Chuỗi ký tự	50	Ngày và số, ký hiệu của quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cấp có thẩm quyền, ghi theo định dạng YYYYMMDD_Z (trong đó YYYYMMDD là 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày, Z là số, ký hiệu của quyết định)
11	QD_PD_GIA	Chuỗi ký tự	50	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày và số, ký hiệu của quyết định/nghị quyết phê duyệt giá thực hiện tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cấp có thẩm quyền, ghi theo định dạng YYYYMMDD_Z (trong đó YYYYMMDD là 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày, Z là số, ký hiệu của quyết định). - Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự nhân đề nghị thanh toán theo giá của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập: ghi ngày ban hành, số và ký

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				<p>hiệu quyết định phê duyệt giá, mã của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, cách nhau bằng dấu “_”.</p> <p>- Trường hợp dịch vụ cận lâm sàng chuyển thực hiện tại cơ sở y tế khác thì ghi số, ký hiệu của văn bản phê duyệt giá tại nơi thực hiện dịch vụ kỹ thuật.</p> <p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ kỹ thuật theo hợp đồng chuyển giao kỹ thuật, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhận chuyển giao ghi số, ký hiệu của văn bản phê duyệt giá của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện chuyển giao.</p>
12	GHI_CHU	Chuỗi ký tự	n	Ghi theo văn bản phê duyệt giá
13	GIA_THANH_TOAN	Số	15	<p>- Giá thanh toán bảo hiểm y tế bằng DON_GIA đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không sử dụng thuốc phóng xạ, chất đánh dấu.</p> <p>- Giá thanh toán bảo hiểm y tế bằng DON_GIA cộng với THANH_TIEN_THUOC của thuốc phóng xạ, chất đánh dấu đối với dịch vụ kỹ thuật có sử dụng thuốc phóng xạ, chất đánh dấu.</p>
14	TU_NGAY	Chuỗi ký tự	8	<p>- Trường hợp tạo lập danh mục sau khi ký hợp đồng lần đầu: ghi ngày hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp cập nhật, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng: ghi thời điểm gửi văn bản thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị trên văn bản thông báo nếu thời điểm đề nghị áp dụng sau ngày nhận được văn</p>

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
				bản, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
15	DEN_NGAY	Chuỗi ký tự	8	Chỉ ghi khi cập nhật, điều chỉnh thông tin hoặc ngừng sử dụng: ghi thời điểm ngừng áp dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày)
16	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Ghi chú: trường hợp có thay đổi thông tin danh mục gửi bảng cập nhật gồm 02 dòng dữ liệu, trong đó dòng thứ nhất ghi thông tin cũ và DEN_NGAY là ngày ngừng áp dụng, dòng thứ 2 ghi thông tin thay đổi và TU_NGAY là ngày bắt đầu áp dụng, để trống chỉ tiêu DEN_NGAY.

6. Mô tả các thẻ xml của TT_THUOCPX

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	6	Số thứ tự
2	MA_THUOC	Chuỗi ký tự	15	Mã thuốc phóng xạ hoặc chất đánh dấu theo danh mục dùng chung do Bộ Y tế ban hành
3	TEN_THUOC	Chuỗi ký tự	1024	Tên phóng xạ hoặc chất đánh dấu
4	SO_DANG_KY	Chuỗi ký tự	50	Số đăng ký của thuốc phóng xạ hoặc chất đánh dấu
5	DON_VI_TINH	Chuỗi ký tự	1024	Đơn vị tính của của thuốc phóng xạ hoặc chất đánh dấu
6	TT_THAU	Chuỗi ký tự	1024	Thông tin thầu của thuốc phóng xạ hoặc chất đánh dấu theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
7	DON_GIA_THUOC	Số	15	Đơn giá của thuốc phóng xạ hoặc chất đánh dấu
8	DM_NSX_CDD	Số	15	Định mức sử dụng chất đánh dấu của nhà sản xuất đối với từng dịch vụ kỹ thuật
9	DM_THUCTE_CDD	Số	15	Định mức sử dụng thực tế bình quân của chất đánh dấu theo quy định của Bộ Y tế
10	LIEU_BQ_PX	Số	8	Liều sử dụng bình quân của thuốc phóng xạ sử dụng trong dịch vụ kỹ thuật.
11	TL_THUCTE_BQ_PX	Số	15	Tỷ lệ sử dụng thực tế bình quân của thuốc phóng xạ
12	THANH_TIEN_THUOC	Số	15	<ul style="list-style-type: none"> - Thành tiền chi phí thuốc phóng xạ, được tính bằng DON_GIA_THUOC của thuốc phóng xạ nhân với LIEU_BQ_PX chia cho TLTHUCTE_BQ_PX. - Thành tiền chi phí chất đánh dấu, được tính bằng DON_GIA_THUOC của chất đánh dấu nhân với DM_THUCTE_CDD.

VII. Mẫu 06/DM Danh mục thiết bị y tế để thực hiện dịch vụ kỹ thuật áp dụng trong thanh toán bảo hiểm y tế

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc06_DMTBYT
Method	POST

Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc} passwordHash: {Password được mã hóa MD5}
Request Body	
Body	username: {username XXXXX_BV của cơ sở KCB được BHXH Việt Nam cấp} loiHs:72 maTinh: {mã tỉnh của cơ sở KCB} maCơ sở KCB: {Mã cơ sở kcb} fileHsBase64: {Encode base 64 của file XML đã ký số }
Response Body	
Body	<pre>{ "maKetQua": "DANH MUC 06_XXXXXXXX", "maGiaoDich": "200", "thongDiep": "XXXXXXXXXX", "thoiGianTiepNhan": "20260131152649" }</pre>
Request example	<pre>curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/DanhMucGW/GuiDanhMuc 06_DMTBYT' \ --header 'accessToken: b1ZDUUlmRTdvTHhqeVI2YjlMUUNGUm1qd2FNZEkyUm5xTk tEQlUySzlvND06MDE5MjlfQlY6MTM0MTI5NDIwMDgyMDgy MjA4' \ --header 'tokenId: cf88b8e7-40fb-4f85-a566-8bbfd1221961' \ --header 'passwordHash: XXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loiHs=72' \ --data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXX'</pre>

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở KCB
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (72 – Danh mục thiết bị y tế để thực hiện dịch vụ kỹ thuật áp dụng trong thanh toán bảo hiểm y tế)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	maKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	maGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	thongDiep	Chuỗi ký tự	Thông điệp thông báo tiếp nhận thành công hoặc thông báo lỗi nếu có
4	thoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
			giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020

4. Cấu trúc xml

```

<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<HSDANHMUC xmlns:xsd="http://www.w3.org/2001/XMLSchema"
xmlns:xsi="http://www.w3.org/2001/XMLSchema-instance">
  <DSACH_TBYTTTHDV Id="Id-bcf01e0c-954d-4463-9e60-
be49e65745da">
    <DM_TBYTTTHDV>
      <STT>1</STT>
      <TEN_TB>Máy thở</TEN_TB>
      <KY_HIEU>XXXXXX</KY_HIEU>
      <CONGTY_SX>Contec Medical</CONGTY_SX>
      <NUOC_SX>XXXXXXXX</NUOC_SX>
      <NAM_SX>2018</NAM_SX>
      <NAM_SD>2022</NAM_SD>
      <MA_MAY>XXXXXXXXXX</MA_MAY>

      <SO_LUU_HANH>XXXXXX/YYYYYYYY</SO_LUU_HANH>
      <HD_TU>20180101</HD_TU>
      <HD_DEN>20261231</HD_DEN>
      <TU_NGAY>20180101</TU_NGAY>
      <DEN_NGAY>20271231</DEN_NGAY>
      <MA_CO SO KCB>XXXXXX</MA_CO SO KCB>
    </DM_TBYTTTHDV>
  </DSACH_TBYTTTHDV>
</CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-bcf01e0c-954d-4463-9e60-
be49e65745da" xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
      <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>

```

```

    <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
bcf01e0c-954d-4463-9e60-be49e65745da">
      <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
      <DigestValue>xxxxx</DigestValue>
    </Reference>
    <Reference URI="#Id-bcf01e0c-954d-4463-9e60-
be49e65745da">
      <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmlenc#sha256"/>
      <DigestValue>xxxxx</DigestValue>
    </Reference>
  </SignedInfo>
  <SignatureValue>base64</SignatureValue>
  <KeyInfo>
    <X509Data>
      <X509SubjectName>CN=localhost,
C=VN</X509SubjectName>
      <X509Certificate>base64</X509Certificate>
    </X509Data>
  </KeyInfo>
  <Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-bcf01e0c-954d-
4463-9e60-be49e65745da">
    <SignatureProperties xmlns="">
      <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-bcf01e0c-954d-4463-9e60-be49e65745da" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-bcf01e0c-954d-4463-9e60-be49e65745da">
        <SigningTime>2026-02-
27T16:31:05</SigningTime>
      </SignatureProperty>
    </SignatureProperties>
  </Object>
</Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSDANHMUC>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSDANHMUC	Thẻ root
2	DSACH_TBYTTHDV	Thông tin danh sách các chi tiết
3	DM_TBYTTHDV	Thông tin thiết bị y tế (Chi tiết được mô

TT	Tên thẻ	Mô tả
		tả ở mục 5)
4	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của DM_TBYTTHDV

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	STT	Số	10	Số thứ tự
2	TEN_TB	Chuỗi ký tự	n	Tên thiết bị y tế
3	KY_HIEU	Chuỗi ký tự	1024	Model của thiết bị y tế
4	CONGTY_SX	Chuỗi ký tự	1024	Tên công ty sản xuất
5	NUOC_SX	Chuỗi ký tự	100	Tên nước sản xuất
6	NAM_SX	Số	4	Năm sản xuất
7	NAM_SD	Số	4	Năm bắt đầu đưa vào sử dụng
8	MA_MAY	Số	n	Mã máy thực hiện dịch vụ cận lâm sàng, phẫu thuật, thủ thuật, ghi theo hướng dẫn tại Quyết định số 3176/QĐ-BYT
9	SO_LUU_HANH	Chuỗi ký tự	20	Số lưu hành của thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP
10	HD_TU	Chuỗi ký tự	8	- Chỉ ghi đối với thiết bị y tế có hợp đồng thuê, mua trả chậm, trả dần hoặc mượn. - Thời điểm có hiệu lực trên hợp đồng, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
11	HD_DEN	Chuỗi ký tự	8	- Chỉ ghi đối với thiết bị y tế có hợp đồng thuê, mua trả chậm, trả dần hoặc mượn. - Thời điểm hết hiệu lực trên hợp đồng, ghi theo định dạng 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Diễn giải
12	TU_NGAY	Chuỗi ký tự	8	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tạo lập danh mục sau khi ký hợp đồng lần đầu: ghi ngày hợp đồng có hiệu lực. - Trường hợp cập nhật, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với thiết bị y tế phải kiểm định, thiết bị y tế bức xạ, chiếu xạ, thiết bị X-quang chẩn đoán: ghi thời điểm đề nghị thực hiện nằm trong thời gian máy đủ điều kiện sử dụng. + Đối với thiết bị y tế còn lại: ghi thời điểm gửi văn bản thông báo đến cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc ngày cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị trên văn bản thông báo nếu thời điểm đề nghị áp dụng sau ngày nhận được văn bản, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
13	DEN_NGAY	Chuỗi ký tự	8	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với thiết bị y tế phải kiểm định; thiết bị y tế bức xạ, chiếu xạ, thiết bị X-quang chẩn đoán: ghi thời điểm cuối cùng thiết bị y tế đủ điều kiện sử dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày). - Đối với thiết bị y tế còn lại: chỉ ghi khi cập nhật, điều chỉnh thông tin hoặc ngừng sử dụng thì ghi thời điểm ngừng áp dụng, định dạng gồm 8 ký tự (4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày).
14	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	5	Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Ghi chú: trường hợp có thay đổi thông tin danh mục gửi bảng cập nhật gồm 02 dòng dữ liệu, trong đó dòng thứ nhất ghi thông tin cũ và DEN_NGAY là ngày ngừng áp dụng, dòng thứ 2 ghi thông tin thay đổi và TU_NGAY là ngày bắt đầu áp dụng, để trống chỉ tiêu DEN_NGAY.

VIII. HỒ SƠ TỔNG HỢP MẪU 01/BH

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/HoSoTongHop7980/GuiHoSoTongHop01BH
-----	---

Method	POST
Content-Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc} passwordHash: {Password được mã hóa MD5}
Request Body	
Body	maCơ sở KCB: "xxxxxxxxxx", username: "xxxx", loaiHs: "5", fileHsBase64: "base64", kyQT"xxxx", maTinh: "xxxx"
Response Body	
Body	{ "maKetQua": "200", "maGiaoDich": "HS01BH_XXXXX", "thongDiep": "Tiếp nhận thành công", "thoiGianTiepNhan": "20260308145721" }
Request example	curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/HoSoTongHop7980/GuiHoSoTongHop01BH' \ --header 'accessToken: Y3lSVnFqS2JVN0RaUXNyb2lWSzFxE8xM0w4REpTeDhIR3c4Qkw3MCtXbz06MDE5MjlfQlY6MTM0MTY1MDU2NzAzMDkxOTA4' \ --header 'tokenId: 7b3bc7b0-014f-41b5-b910-953a673a5e47' \ --header 'passwordHash: XXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=5' \ --data-urlencode 'maTinh=01' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'kyQT=202602' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXX'

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (5 – Hồ sơ tổng hợp mẫu 01/BH)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)
8	kyQT	Chuỗi ký tự	x	Kỳ quyết toán gồm 6 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng
9	maTinh	Chuỗi ký tự	x	Mã tỉnh thành

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	MaGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	ThoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây.

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
			Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020
4	ThongDiep	Chuỗi ký tự	Mô tả kết quả

4. Cấu trúc xml

<HSTH01BH>

<DS_CHITIET Id="Id-c3b63b64-6bba-4dbd-aef2-d0eafcd862d">

<CHITIET_HS01BH>

<STT>1</STT>

<HO_TEN>XXXX</HO_TEN>

<NGAY_SINH>XXXX</NGAY_SINH>

<GIOI_TINH>XXXX</GIOI_TINH>

<MA_THE_BHYT>XXXX</MA_THE_BHYT>

<MA_BENH_CHINH>XXXX</MA_BENH_CHINH>

<NGAY_VAO>XXXX</NGAY_VAO>

<NGAY_VAO_NOI_TRU>XXXX</NGAY_VAO_NOI_TRU>

<NGAY_RA>XXXX</NGAY_RA>

<SO_NGAY_DTRI>XXXX</SO_NGAY_DTRI>

<MA_LOAI_KCB>XXXX</MA_LOAI_KCB>

<T_TONGCHI_BV>XXXX</T_TONGCHI_BV>

<T_TONGCHI_BH>XXXX</T_TONGCHI_BH>

<T_BHTT>XXXX</T_BHTT>

<T_BNCCT>XXXX</T_BNCCT>

<T_BNTT>XXXX</T_BNTT>

<T_NGUONKHAC>XXXX</T_NGUONKHAC>

<MA_CƠ_SỞ_KCB>XXXX</MA_CƠ_SỞ_KCB>

<NAM_QT>XXXX</NAM_QT>

<THANG_QT>XXXX</THANG_QT>

</CHITIET_HS01BH>

<CHITIET_HS01BH>

<STT>2</STT>

<HO_TEN>XXXX</HO_TEN>

<NGAY_SINH>XXXX</NGAY_SINH>

<GIOI_TINH>XXXX</GIOI_TINH>

<MA_THE_BHYT>XXXX</MA_THE_BHYT>

<MA_BENH_CHINH>XXXX</MA_BENH_CHINH>

<NGAY_VAO>XXXX</NGAY_VAO>

```

<NGAY_VAO_NOI_TRU>XXXX</NGAY_VAO_NOI_TRU>
  <NGAY_RA>XXXX</NGAY_RA>
  <SO_NGAY_DTRI>XXXX</SO_NGAY_DTRI>
  <MA_LOAI_KCB>XXXX</MA_LOAI_KCB>
  <T_TONGCHI_BV>XXXX</T_TONGCHI_BV>
  <T_TONGCHI_BH>XXXX</T_TONGCHI_BH>
  <T_BHTT>XXXX</T_BHTT>
  <T_BNCCT>XXXX</T_BNCCT>
  <T_BNTT>XXXX</T_BNTT>
  <T_NGUONKHAC>XXXX</T_NGUONKHAC>
  <MA_CO_SO_KCB>XXXX</MA_CO_SO_KCB>
  <NAM_QT>XXXX</NAM_QT>
  <THANG_QT>XXXX</THANG_QT>
</CHITIET_HS01BH>
</DS_CHITIET>
<CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef"
xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
      <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>
      <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#sha256"/>
        <DigestValue>xxxx</DigestValue>
      </Reference>
      <Reference URI="#Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#sha256"/>
        <DigestValue>xxxxxxx</DigestValue>
      </Reference>
    </SignedInfo>
    <SignatureValue>base64</SignatureValue>
    <KeyInfo>
      <X509Data>

<X509SubjectName>CN=localhost</X509SubjectName>
      <X509Certificate>base64</X509Certificate>

```

```

</X509Data>
</KeyInfo>
<Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
  <SignatureProperties xmlns="">
    <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
      <SigningTime>2025-11-
01T09:32:20</SigningTime>
    </SignatureProperty>
  </SignatureProperties>
</Object>
</Signature>
</CHUKYDONVI>
</HSTH01BH>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HSTH01BH	Thẻ root
2	CHITIET_HS01BH	Thông tin hồ sơ tổng hợp mẫu 01-BH (Chi tiết mô tả tại mục 5)
3	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của CHITIET_HS01BH

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	STT	Số	10	Ghi số thứ tự tăng từ 1 đến hết trong một lần gửi dữ liệu.
2	HO_TEN	Chuỗi ký tự	255	Ghi họ và tên của người bệnh.
3	NGAY_SINH	Chuỗi ký tự	12	Ghi ngày, tháng, năm sinh ghi trên thẻ BHYT của người bệnh, gồm 12 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm + 02 ký tự tháng + 02 ký tự ngày + 02 ký tự giờ + 02 ký tự phút.

4	GIOI_TINH	Chuỗi ký tự	1	Ghi giới tính của người bệnh (1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định)
5	MA_THE_BHYT	Chuỗi ký tự	15	Ghi mã thẻ BHYT của người bệnh do cơ quan BHXH cấp.
6	MA_BENH_CHINH	Chuỗi ký tự	7	Ghi mã bệnh chính theo mã ICD-10 do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (Quyết định số 4469/QĐ-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2020 và các văn bản cập nhật, bổ sung)
7	NGAY_VAO	Chuỗi ký tự	12	Ghi thời điểm người bệnh đến KBCB, gồm 12 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm + 02 ký tự tháng + 02 ký tự ngày + 02 ký tự giờ + 02 ký tự phút.
8	NGAY_VAO_NOI_TRU	Chuỗi ký tự	12	Ghi thời điểm người bệnh vào điều trị nội trú hoặc điều trị ban ngày, gồm 12 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm + 02 ký tự tháng + 02 ký tự ngày + 02 ký tự giờ + 02 ký tự phút.
9	NGAY_RA	Chuỗi ký tự	12	Ghi thời điểm người bệnh kết thúc lần khám bệnh hoặc đợt điều trị tại cơ sở KBCB, gồm 12 ký tự, bao gồm: 04 ký tự năm + 02 ký tự tháng + 02 ký tự ngày + 02 ký tự giờ + 02 ký tự phút. Lưu ý: - Trường hợp điều trị ngoại trú thì ghi thời điểm kết thúc việc khám, chỉ định điều trị.
10	SO_NGAY_DT	Chuỗi ký tự	3	Số ngày điều trị = NGÀY_RA - NGÀY_VAO + 1 Trường hợp người bệnh đến khám bệnh được hẹn vào điều trị nội trú thì số ngày điều trị không bao gồm thời gian hẹn người bệnh. Lưu ý: - MA_LOAI_KCB = 02 hoặc

				<p>08: Ghi số ngày có thực hiện dịch vụ kỹ thuật trong đợt điều trị ngoại trú;</p> <p>- MA_LOAI_KCB = 05 hoặc 07: Ghi số ngày sử dụng thuốc dài nhất trong đợt điều trị ngoại trú bệnh mạn tính hoặc trong lần lĩnh thuốc theo hẹn;</p> <p>- MA_LOAI_KCB = 09: Ghi số 0</p>
11	MA_LOAI_KCB	Số	2	Ghi mã hình thức KCB theo Bộ mã DMDC do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
12	T_TONGCHI_BV	Số	15	Ghi tổng chi phí trong lần khám bệnh hoặc trong đợt điều trị, là tổng số tiền THANH_TIEN_BV tại bảng XML2 và XML3 ban hành kèm theo Quyết định này, làm tròn số đến 2 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.
13	T_TONGCHI_BH	Số	15	Ghi tổng chi phí trong phạm vi quỹ BHYT thanh toán của lần khám bệnh hoặc đợt điều trị, là tổng số tiền THANH_TIEN_BH tại bảng XML2 và XML3 ban hành kèm theo Quyết định này, làm tròn số đến 2 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.
14	T_BHTT	Số	15	Ghi tổng số tiền đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán, làm tròn số đến 2 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.

15	T_BNCCT	Số	15	Ghi tổng số tiền người bệnh cùng chi trả trong phạm vi quyền lợi được hưởng BHYT, là tổng số tiền T_BNCCT tại bảng XML2 và XML3 ban hành kèm theo Quyết định này.. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.	
16	T_BNTT	Số	15	Ghi tổng số tiền người bệnh tự trả ngoài phạm vi chi trả của Quỹ BHYT, là tổng số tiền T_BNTT tại bảng XML2 và XML3 ban hành kèm theo Quyết định này, làm tròn số đến 2 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.	
17	T_NGUONKH AC	Số	15	Ghi tổng số tiền các nguồn khác chi trả ngoài phạm vi chi trả của quỹ BHYT, là tổng số tiền T_NGUONKHAC tại Bảng XML 1, làm tròn số đến 2 chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm “.” để phân cách giữa số Nguyên (hàng đơn vị) với số thập phân đầu tiên.	
18	MA_CƠ KCB	SỐ	Chuỗi ký tự	5	Ghi mã cơ sở KBCB nơi người bệnh đến khám bệnh, điều trị do cơ quan có thẩm quyền cấp.
19	NAM_QT	Số	4	Ghi năm mà cơ sở KBCB đề nghị cơ quan BHXH thanh toán	
20	THANG_QT	Số	2	Ghi tháng mà cơ sở KBCB đề nghị cơ quan BHXH thanh toán	

IX. HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH MẪU 09/BH

1. Mô tả chi tiết dịch vụ

URL	<a href="https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/HSDCTT12/GuiHoSoDieuC
hinh09BH">https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/HSDCTT12/GuiHoSoDieuC hinh09BH
Method	POST
Content -Type	application/x-www-form-urlencoded
Charset	utf-8
Request Header	accessToken: {access token lấy được của phiên làm việc} tokenId: {Token Id lấy được ở phiên làm việc} passwordHash: {Password được mã hóa MD5}
Request Body	
Body	maCơ sở KCB: "XXXXXX", username: "xxxxx", loaiHs: "73", fileHsBase64: "base64"
Response Body	
Body	{ "maKetQua": "200", "maGiaoDich": "HSDC09BH_XXXXXX", "thongDiep": "Tiếp nhận thành công", "thoiGianTiepNhan": "yyyyMMddhhmmss" }
Request example	curl --location 'https://egw.baohiemxahoi.gov.vn/api/HSDCTT12/GuiHoSoDieuC hinh09BH' \ --header 'accessToken: Y3lSVnFqS2JVN0RaUXNyb21WSzFxE8xM0w4REpTeDhIR3c 4Qkw3MCtXbz06MDE5MjlfQlY6MTM0MTY1MDU2NzAzMDk xOTA4' \ --header 'tokenId: 7b3bc7b0-014f-41b5-b910-953a673a5e47' \ --header 'passwordHash: XXXXX' \ --header 'Content-Type: application/x-www-form-urlencoded' \ --data-urlencode 'username=01929_BV' \ --data-urlencode 'loaiHs=73' \ --data-urlencode 'maCơ sở KCB=01929' \ --data-urlencode 'fileHsBase64=XXXX'

2. Đặc tả dữ liệu đầu vào

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả
1	maCskcb	Chuỗi ký tự	x	Mã cơ sở KCB
2	accessToken	Chuỗi ký tự	x	Token được trả về từ hàm lấy phiên làm việc
3	tokenId	Chuỗi ký tự	x	Token ID được trả về ở hàm lấy phiên làm việc
4	username	Chuỗi ký tự (an 5)	x	Tài khoản đăng nhập của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (CƠ SỞ KCB)
5	passwordHash	Chuỗi ký tự (an 6..10)	x	Mật khẩu được mã hóa MD5
6	loaiHs	Chuỗi ký tự	x	Loại hồ sơ (73 – Hồ sơ điều chỉnh mẫu 09/BH)
7	fileHsBase64	Chuỗi ký tự	x	Chuỗi base64 của nội dung xml (Chi tiết cấu trúc xml được mô tả tại mục 5)

3. Đặc tả dữ liệu đầu ra

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	MaKetQua	Chuỗi ký tự	Mã kết quả giao dịch (Chi tiết mô tả tại mục 4, phần I)
2	MaGiaoDich	Chuỗi ký tự	Mã giao dịch, để tra cứu thông tin chi tiết
3	ThoiGianTiepNhan	Chuỗi ký tự	Thời điểm KCB, gồm 14 ký tự, trong đó: 4 ký tự năm + 2 ký tự tháng + 2 ký tự ngày + 2 ký tự giờ (định dạng theo 24 giờ) + 2 ký tự phút + 2 ký tự giây. Ví dụ: ngày 31/03/2026 15:20:20 được hiển thị là: 20260331152020
4	ThongDiep	Chuỗi ký tự	Mô tả kết quả

4. Cấu trúc xml

```

<HOSO_DIEUCHINH_GD>
  <TT_HOSO Id="Id-bc98ad86-141a-4491-bae2-e5397e911909">
    <TT_MAU>
      <MAU_SO>09/BH</MAU_SO>
      <MA_CƠ SỞ KCB>01929</MA_CƠ SỞ KCB>
      <NGUOILAPBIEU>NGUYỄN VĂN A</NGUOILAPBIEU>
      <THUTRUONG_DV>NGUYỄN VĂN B</THUTRUONG_DV>
      <NGAYTHANGNAM>20260225</NGAYTHANGNAM>
    </TT_MAU>
    <TT_XML1>
      <XML1_ID>123456789</XML1_ID>
      <MA_LK>123456789</MA_LK>
      <MA_BN>TEST_123</MA_BN>
      <HO_TEN>TEST</HO_TEN>
      <MA_THE>DN4011234567890</MA_THE>
      <NGAY_VAO>202602250800</NGAY_VAO>
      <NGAY_RA>202602251730</NGAY_RA>
      <KY_QT>202602</KY_QT>
      <TRANGTHAI>1</TRANGTHAI>
    </TT_XML1>
    <TT_DIEUCHINH>
      <DS_XML1_DIEUCHINH>
        <TT_XML1_DC>
          <STT>1</STT>
          <TRUONG_TT_GOC/>
          <TT_GOC/>
          <TRUONG_TT_DIEUCHINH/>
          <TT_DIEUCHINH/>
          <LYDO_DIEUCHINH/>
        </TT_XML1_DC>
        <TT_XML1_DC>
          <STT>2</STT>
          <TRUONG_TT_GOC/>
          <TT_GOC/>
          <TRUONG_TT_DIEUCHINH/>
          <TT_DIEUCHINH/>
          <LYDO_DIEUCHINH/>
        </TT_XML1_DC>
        <TT_XML1_DC>
          <STT>3</STT>
          <TRUONG_TT_GOC/>
          <TT_GOC/>
        </TT_XML1_DC>
      </DS_XML1_DIEUCHINH>
    </TT_DIEUCHINH>
  </TT_HOSO>
</HOSO_DIEUCHINH_GD>

```

```

<TRUONG_TT_DIEUCHINH/>
<TT_DIEUCHINH/>
<LYDO_DIEUCHINH/>
</TT_XML1_DC>
</DS_XML1_DIEUCHINH>
<DSCP_DIEUCHINH>
<CHIPHI>
<STT>1</STT>
<SOBANG_XML>2</SOBANG_XML>
<ID_CP>987654321</ID_CP>
<STT_XML>3</STT_XML>
<NGAY_YL>2</NGAY_YL>
<TRANGTHAI>2</TRANGTHAI>
<TRUONG_TT_GOC/>
<TT_GOC/>
<LYDO/>
<TUCHOI/>
<TRUONG_TT_DIEUCHINH/>
<TT_DIEUCHINH/>
<LYDO_DIEUCHINH/>
</CHIPHI>
<CHIPHI>
<STT>2</STT>
<SOBANG_XML>2</SOBANG_XML>
<ID_CP>987654321</ID_CP>
<STT_XML>3</STT_XML>
<NGAY_YL>2</NGAY_YL>
<TRANGTHAI>2</TRANGTHAI>
<TRUONG_TT_GOC/>
<TT_GOC/>
<LYDO/>
<TUCHOI/>
<TRUONG_TT_DIEUCHINH/>
<TT_DIEUCHINH/>
<LYDO_DIEUCHINH/>
</CHIPHI>
<CHIPHI>
<STT>3</STT>
<SOBANG_XML>3</SOBANG_XML>
<ID_CP>987654321</ID_CP>
<STT_XML>3</STT_XML>
<NGAY_YL>2</NGAY_YL>
<TRANGTHAI>1</TRANGTHAI>
<TRUONG_TT_GOC/>

```

```

<TT_GOC/>
<LYDO/>
<TUCHOI/>
<TRUONG TT_DIEUCHINH/>
<TT_DIEUCHINH/>
<LYDO_DIEUCHINH/>
</CHIPHI>
</DSCP_DIEUCHINH>
</TT_DIEUCHINH>
</TT_HOSO>
<CHUKYDONVI>
  <Signature Id="CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef"
xmlns="http://www.w3.org/2000/09/xmldsig#">
    <SignedInfo>
      <CanonicalizationMethod
Algorithm="http://www.w3.org/TR/2001/REC-xml-c14n-20010315"/>
      <SignatureMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#rsa-sha256"/>
      <Reference URI="#Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#sha256"/>
        <DigestValue>xxxx</DigestValue>
      </Reference>
      <Reference URI="#Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
        <DigestMethod
Algorithm="http://www.w3.org/2001/04/xmldsig-more#sha256"/>
        <DigestValue>xxxxxxx</DigestValue>
      </Reference>
    </SignedInfo>
    <SignatureValue>base64</SignatureValue>
    <KeyInfo>
      <X509Data>

        <X509SubjectName>CN=localhost</X509SubjectName>
        <X509Certificate>base64</X509Certificate>
      </X509Data>
    </KeyInfo>
    <Object Id="Object-CHUKYDONVI-Id-
475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
      <SignatureProperties xmlns="">

```

```

        <SignatureProperty Target="#CHUKYDONVI-
Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef" Id="SignatureProperty-
CHUKYDONVI-Id-475cbad8334544428ff7656e0ceb28ef">
            <SigningTime>2025-11-
01T09:32:20</SigningTime>
        </SignatureProperty>
    </SignatureProperties>
</Object>
</Signature>
</CHUKYDONVI>
</HOSO_DIEUCHINH_GD>

```

Trong đó:

TT	Tên thẻ	Mô tả
1	HOSO_DIEUCHINH_GD	Thẻ root
2	TT_MAU	Thông tin mẫu (Chi tiết mô tả tại mục 5)
3	TT_XML1	Thông tin XML1 gốc (Chi tiết mô tả tại mục 6)
4	TT_DIEUCHINH	Thông tin hồ sơ điều chỉnh mẫu 09/BH (Chi tiết mô tả tại mục 7)
5	CHUKYDONVI	Thông tin chữ ký của đơn vị

5. Mô tả các thẻ xml của TT_MAU

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MAU_SO	Chuỗi ký tự	255	Mã mẫu (09/BH)
2	MA_CSKCB	Chuỗi ký tự	255	Mã cơ sở khám chữa bệnh
3	NGUOILAPBIEU	Chuỗi ký tự	255	Người lập biểu
4	THUTRUONG_DV	Chuỗi ký tự	255	Thủ trưởng đơn vị
5	NGAYTHANGNAM	Số	8	Ngày lập biểu

6. Mô tả các thẻ xml của TT_XML1

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	XML1_ID	Số	18	ID hồ sơ XML1
2	MA_LK	Chuỗi ký tự	255	Mã liên kết hồ sơ
3	MA_BN	Chuỗi ký tự	255	Mã bệnh nhân
4	HO_TEN	Chuỗi ký tự	255	Họ tên bệnh nhân
5	MA_THE	Chuỗi ký tự	17	Mã thẻ BHYT
6	NGAY_VAO	Số	12	Ngày vào viện
7	NGAY_RA	Số	12	Ngày ra viện
8	KY_QT	Số	6	Kỳ quyết toán
9	TRANGTHAI	Số	2	1: đề nghị điều chỉnh; 2: đề nghị hủy

7. Mô tả các thẻ xml của TT_DIEUCHINH

TT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	DS_XML1_DIEUCHINH	XML		Danh sách các thay đổi trong bảng XML1
1.1	STT	Số	9	Số thứ tự dòng điều chỉnh
1.2	TRUONG_TT_GOC	Chuỗi ký tự	2000	Tên trường sai trong XML1
1.3	TT_GOC	Chuỗi ký tự	2000	Giá trị ban đầu
1.4	TRUONG_TT_DIEUCHINH	Chuỗi ký tự	2000	Tên trường sau điều chỉnh
1.5	TT_DIEUCHINH	Chuỗi ký tự	2000	Giá trị sau điều chỉnh
1.6	LYDO_DIEUCHINH	Chuỗi ký tự	2000	Lý do điều chỉnh
2	DSCP_DIEUCHINH	XML		Danh sách các chi phí cần điều chỉnh
2.1	STT	Số	9	
2.2	SOBANG_XML	Số	2	Bảng dữ liệu (2: XML2, 3: XML3,...)

2.3	ID_CP	Số	18	ID chi phí
2.4	STT_XML	Số	9	STT dòng trong XML gốc
2.5	NGAY_YL	Số	12	Ngày y lệnh
2.6	TRANGTHAI	Số	2	1: đề nghị điều chỉnh; 2: đề nghị hủy
2.7	TRUONG_TT_GOC	Chuỗi ký tự	2000	Trường sai của chi phí
2.8	TT_GOC	Chuỗi ký tự	2000	Giá trị ban đầu
2.9	LYDO	Chuỗi ký tự	2000	Lý do từ chối (nếu có)
2.10	TUCHOI	Chuỗi ký tự	20	Nội dung từ chối
2.11	TRUONG_TT_DIEU CHINH	Chuỗi ký tự	2000	Trường điều chỉnh
2.12	TT_DIEUCHINH	Chuỗi ký tự	2000	Giá trị mới
2.13	LYDO_DIEUCHINH	Chuỗi ký tự	2000	Lý do điều chỉnh